BẢN TIN TUẦN CÀ PHÊ

TUẦN 21

(22/05/2023-26/05/2023)

ĐIỂM TIN

- Giá cà phê Robusta kỳ hạn T07/2023 giảm 1,17% so với tuần trước đạt mức bình quân 2.660 USD/tấn.
- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 7/2023 giảm 4,09% so với tuần trước đạt mức bình quân 4.145 USD/tấn.
- Theo ICO, tháng 3/2023, xuất khẩu cà phê giảm mạnh ở các thị trường Châu Phi, Trung Mỹ và Mexico.
- Theo USDA, ước sản lượng Robusta của Indonesia trong niên vụ cà phê 2023/2024 sẽ giảm 18% so với niên vụ trước, xuống ở mức 9,7 triệu bao.
- Giá cà phê thế giới sẽ tăng chậm do Feb nâng mức lãi suất và dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới không khả quan.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

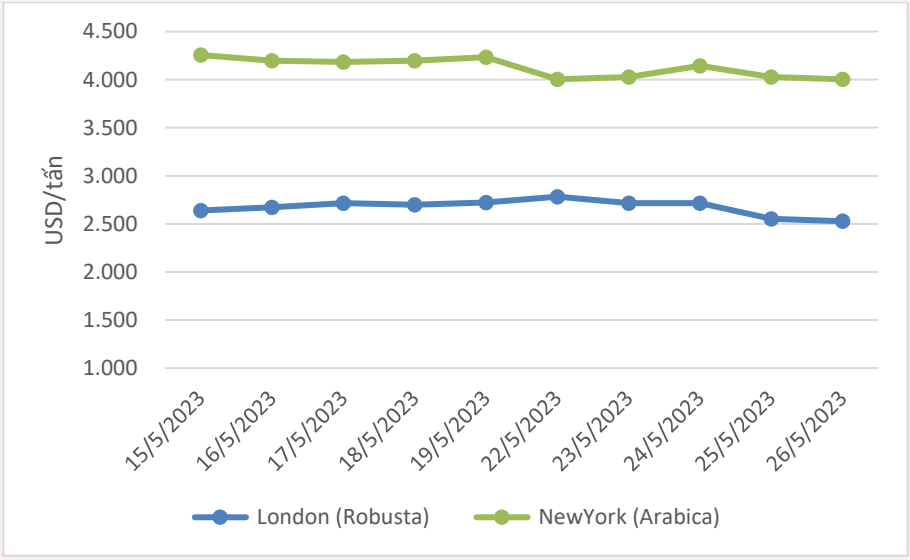

Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE. www.theice.com

Thị trường London kỳ hạn tháng 07/2023 có xu hướng giảm nhẹ. Giá cà phê Robusta trung bình đạt 2.660 USD/tấn, giảm 1,17% so với tuần trước, nhưng tăng 28,2% so với cùng kỳ năm 2022. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.783 USD/tấn, giá thấp nhất là 2.528 USD/tấn. [1]

Thị trường New York kỳ hạn tháng 7/2023 giảm so với tuần trước. Giá cà phê Arabica bình quân đạt 4.042 USD/tấn, giảm 4,09% so với mức giá tuần trước và giảm 16,9% so với cùng kỳ năm 2022. Giá cao nhất trong tuần đạt 4.145 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 4.004 USD/tấn.[1]

Tổ chức Cà phê Thế giới (ICO) tháng 3/2023, xuất khẩu cà phê của Châu Phi giảm 5% xuống còn 1,12 triệu bao. Luỹ kế trong 6 tháng đầu của niên vụ cà phê hiện tại, tổng xuất khẩu của khu vực châu Phi là 6,35 triệu bao, tăng 0,3% so với cùng kỳ. Trong tháng 3, xuất khẩu cà phê của Bờ Biển Ngà và Kenya giảm lần lượt là 41,4% và 17,7%, xuống 0,12 triệu bao và 58.340 bao. Tuy nhiên, Burundi, Rwanda và Uganda lại tăng lần lượt là 86,7%, 249,2% và 2,0%.

Khu vực Trung Mỹ và Mexico, xuất khẩu cà phê tháng 3 đạt 1,7 triệu bao, giảm 15,4% so với cùng kỳ. Đây đã là tháng sụt giảm thứ năm trong sáu tháng đầu niên vụ hiện tại. Kết quả là xuất khẩu của khu vực đã giảm 11,8% trong 6 tháng đầu niên vụ, đạt tổng cộng 5,8 triệu bao so với 6,5 triệu bao của cùng kỳ 2021 - 2022. [2]

Trong tháng 3, xuất khẩu cà phê của Guatemala chịu sự suy giảm nặng nề nhất (giảm 44,9%), trong khi Honduras là quốc gia lớn duy nhất có mức tăng trưởng dương (tăng 2,0%). Đối với Honduras, đây đã là tháng mở rộng thứ ba, sau 11 tháng giảm liên tiếp từ tháng 2 đến tháng 12/2022.

Ở chiều ngược lại, khu vực châu Á và châu Đại Dương là khu vực duy nhất ghi nhận tăng trưởng dương từ đầu niên vụ đến nay. Cụ thể, xuất khẩu của khu vực này đã tăng 0,2% lên 5 triệu bao trong tháng 3 và tăng 2,5% lên hơn 24 triệu bao trong 6 tháng đầu niên vụ 2022 - 2023. Indonesia là động lực tăng trưởng chính của khu vực với xuất khẩu tháng 3 tăng 16% lên gần 0,6 triệu bao, bù đắp cho sự suy giảm lần lượt là 1,6% và 1,1% của Ấn Độ và Việt Nam. Sự gia tăng xuất khẩu của Indonesia trái ngược với dự báo mới nhất của ICO về triển vọng cà phê niên vụ 2022 - 2023 của nước này. Theo đó, ICO dự kiến sản xuất của Indonesia sẽ tăng với tốc độ chậm hơn mức tiêu thụ, 1,1% so với 5,1%, do đó làm giảm nguồn cung có sẵn cho xuất khẩu. [2]

Fed nâng lãi suất lên thêm 0,25 điểm phần trăm tại phiên họp điều hành đầu tháng 5 góp phần gia tăng gánh nặng cho việc đầu cơ hàng hóa tác động tiêu cực lên giá cà phê. Theo Cục Xuất nhập khẩu – Bộ Công Thương dự báo, giá cà phê trong các tháng còn lại trong quý II/2023 sẽ có tốc độ tăng chậm lại do các yếu tố vĩ mô không thuận lợi và việc tăng trưởng kinh tế thế giới được các tổ chức quốc tế dự báo không có nhiều khả quan trong năm nay. Bên cạnh đó, các nhà đầu tư ngại rủi ro tăng cao khi báo cáo GDP Quý I/2023 của Mỹ thấp hơn dự kiến có thể làm nhu cầu tiêu thụ cà phê giảm khiến các giới đầu cơ dịch chuyển dòng vốn sang các thị trường chứng khoán đang có mức lợi nhuận hấp dẫn hơn. [3]

Theo báo cáo mới nhất của Bộ phận Nông nghiệp Nước ngoài (FAS) trực thuộc Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), ước sản lượng Robusta của Indonesia trong niên vụ cà phê 2023/2024 sẽ giảm 18% so với niên vụ trước, xuống ở mức 9,7 triệu bao, mức thấp nhất trong 10 năm do mưa quá nhiều và sản lượng Arabica của Colombia trong niên vụ cà phê 2023/2024 sẽ tăng 2% so với niên vụ trước, lên ở mức 11,6 triệu bao do cây trồng phát triển thuận lợi.[4]

ĐIỂM TIN

- Giá cà phê Robusta trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tăng mạnh so với tuần trước. Giá trung bình tại Đắk Lắk là 60.520 VNĐ/kg, và tại Lâm Đồng là 60.120 VNĐ/kg.
- Giá cà phê xuất khẩu của Việt Nam trong tháng 4/2023 đạt bình quân 2.437 USD/tấn, cao nhất kể từ tháng 11/2022 đến nay.
- Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc trong tháng 4/2023 đạt 5,11 nghìn tấn, trị giá 15,02 triệu USD, giảm 12,2% về lượng và giảm 22,1% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.
- Hiệp hội Cà phê – Ca cao Việt Nam dự báo sản lượng cà phê Việt Nam năm 2023 giảm 20% so với cùng kỳ năm trước.

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

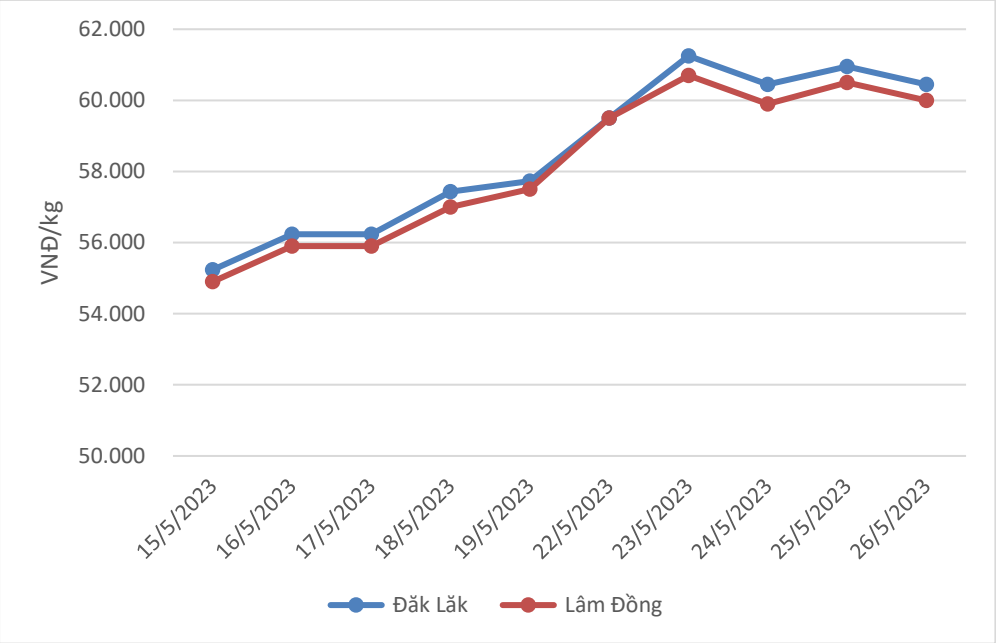

Nguồn: CTV AgroInfo

Giá cà phê trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này tiếp tục tăng mạnh với tuần trước và đạt mức kỉ lục trong 3 tháng gần đây. Tại Đắk Lắk, giá cà phê robusta bình quân trong tuần đạt 60.520 VNĐ/kg, tăng 6,98% so với tuần trước và tăng 46,35% so với cùng kỳ năm 2022. Tại Lâm Đồng, giá cà phê robusta tăng 6,90% so với tuần trước, lên mức bình quân 60,120 VNĐ/kg, và tăng 47,27% so với cùng kỳ năm 2022. [5]

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong tháng 4 xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt 163.607 tấn, trị giá 398,8 triệu USD, tăng 4,1% về lượng và tăng 10% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, tính chung 4 tháng đầu năm, xuất khẩu cà phê vẫn giảm 5,5% về lượng và 4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, đạt 716.580 tấn, trị giá hơn 1,63 tỷ USD.

Xuất khẩu cà phê tháng 4 được thúc đẩy trong bối cảnh giá xuất khẩu mặt hàng này tăng lên mức cao nhất kể từ tháng 11/2022, với bình quân 2.437 USD/tấn, tăng 6,3% so với tháng trước và tăng 5,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Luỹ kế trong 4 tháng đầu năm, giá xuất khẩu cà phê của nước ta đã tăng 1,7% so với cùng kỳ năm ngoái lên mức bình quân 2.271 USD/tấn. [6]

Về thị trường xuất khẩu, trong 4 tháng đầu năm, xuất khẩu cà phê sang Liên minh châu Âu (EU), Nhật Bản, Anh, Trung Quốc, Philippines… có xu hướng giảm, trong khi các thị trường như Mỹ, Nga, Algeria, Indonesia, Mexico… lại tăng rất mạnh. Cụ thể, xuất khẩu sang thị trường EU đạt 284,3 nghìn tấn, với trị giá 619 triệu USD giảm 6,5% về lượng và 7,3% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. [6]

Xuất khẩu sang thị trường Mỹ tăng 31,1% lên mức 54.055 tấn và đứng thứ hai về thị trường tiêu thụ cà phê của Việt Nam với thị phần 7,5%. Ngoài ra, lượng xuất khẩu cà phê sang một số thị trường khác cũng tăng mạnh như: Nga tăng 54,4%, Algeria tăng 98,9%, Ấn Độ tăng 68,6%, Hàn Quốc tăng 16%, đặc biệt Indonesia và Mexico tăng đột 255,4% và 507,5%... [6]

Theo Hiệp hội Cà phê – Ca cao Việt Nam (Vicofa), dự báo sản lượng cà phê giảm từ 10-15%/năm, tuy nhiên, năm nay có thể giảm trên dưới 20% so với dự đoán ban đầu do biến khí hậu ngày càng khắc nghiệt, cộng hiện tượng El Nino tác động lớn đến năng suất và sản lượng cà phê. Mặt khác, trong những năm gần đây giá quá thấp nên có một số diện tích cà phê chuyển sang các loại cây trồng có hiệu quả kinh tế cao hơn, như sầu riêng chanh dây… cây trồng xen trên diện tích cà phê cũng tăng. Đó là những yếu tố khiến sản lượng cà phê ngày càng sụt giảm, đẩy giá cà phê tăng lên.[7]

Giá cà phê tăng mạnh trong 2 tháng gần đây, nhiều tỉnh tại Tây Nguyên lại lo ngại tình trạng người dân ồ ạt quay trở lại trồng cà phê và các nguy cơ về vướng tiêu chuẩn xanh của EU (EU cấm nhập khẩu các nông sản thúc đẩy nguy cơ phá rừng) trong xuất khẩu cà phê. Giá cà phê tăng cao người nông dân có xu hướng quay lại với cây cà phê, nhất là nông dân vùng đồng bào dân tộc sống gần khu vực rừng. Để cà phê Việt Nam không chịu ảnh hưởng bởi quy định của EU, cần sự vào cuộc tích cực của các bộ, ngành liên quan, các địa phương và các doanh nghiệp cảnh báo sự tự phát trồng cà phê của nông dân, đặc biệt các địa phương phải làm cho được việc truy xuất nguồn gốc. Bộ Nông nghiệp Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch Đầu tư, Bộ Tài nguyên Môi trường và Bộ Công thương cần phải quyết liệt tham gia cùng với các doanh nghiệp, giúp cho bà con có quyền sử dụng đất khi đó mới làm được truy xuất nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa nếu không thì rất là khó để xác minh được vùng đất này là không phải đất rừng, vì ngày 30/12/2024 là thời điểm luật mới của EU có hiệu lực.[7]

Cà phê là cây trồng chủ lực của tỉnh Đắk Nông với diện tích trên 130.000 ha, sản lượng 340.000 tấn/năm. Từ khi triển khai Chương trình OCOP, các nông dân, HTX, chủ thể nhận thấy rõ hơn tầm quan trọng của các mô hình tổ chức sản xuất, chuỗi liên kết, tiêu thụ sản phẩm cà phê. Đến nay, cà phê là sản phẩm được lựa chọn tham gia chương trình OCOP nhiều nhất với 17 sản phẩm. Sau khi đạt chuẩn OCOP, các chủ thể chú trọng đến quy trình từ trồng, chăm sóc, thu hái quả và chế biến cà phê; không ngừng nâng cấp, phát triển các sản phẩm, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm trên thị trường trong nước và quốc tế. Các chủ thể từng bước tìm ra hướng đi hợp lý trong sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu, cho ra đời sản phẩm cà phê chất lượng cao.[8]

Nguồn tham khảo:

1. https://www.investing.com/
2. https://www.icocoffee.org/documents/cy2022-23/cmr-0423-e.pdf
3. https://doanhnghiepkinhdoanh.doanhnhanvn.vn/toc-do-tang-gia-ca-phe-co-the-chung-lai-trong-cac-thang-con-lai-cua-quy-ii-42202351111564324.htm
4. https://giacaphe.com/80296/gia-ca-phe-ngay-23-05-2023-tro-lai-xu-huong-trai-chieu/
5. Cộng tác viên các tỉnh Tây Nguyên
6. https://mediacdn.vietnambiz.vn/1881912202208555/files/2023/05/17/bao-cao-thi-truong-ca-phe-thang-4-2023-final-20230517173906128.pdf
7. https://giacaphe.com/80467/gia-cao-tang-cao-yeu-to-chinh-keo-nong-dan-quay-lai-cay-ca-phe/
8. https://baodaknong.vn/chuong-trinh-ocop-nang-tam-nong-san-dia-phuong-150070.html

Giá cà phê nhân xô

Đơn vị: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	**59.500**	**60.700**	**59.900**	**60.500**	**60.000**	**60.120**	**3.880**
Di Linh	59.500	60.700	59.900	60.500	60.000	60.120	3.880
Lâm Hà	59.500	60.700	59.900	60.500	60.000	60.120	3.880
Bảo Lộc	59.500	60.700	59.900	60.500	60.000	60.120	3.880
ĐẮK LẮK	**59.333**	**61.033**	**60.233**	**60.933**	**60.433**	**60.393**	**3.820**
Cư M'gar	60.000	61.100	60.300	61.000	60.500	60.580	3.940
Ea H'leo	59.000	61.000	60.200	60.900	60.400	60.300	3.760
Buôn Hồ	59.000	61.000	60.200	60.900	60.400	60.300	3.760
ĐẮK NÔNG	**59.500**	**61.250**	**60.450**	**60.950**	**60.450**	**60.520**	**3.910**
Gia Nghĩa	60.000	61.300	60.500	61.000	60.500	60.660	4.000
Đắk R'lấp	59.000	61.200	60.400	60.900	60.400	60.380	3.820
GIA LAI	**59.833**	**60.933**	**60.333**	**60.733**	**60.333**	**60.433**	**3.940**
Chư Prông	59.900	61.000	60.200	60.800	60.400	60.460	3.900
Pleiku	59.800	60.900	60.400	60.700	60.300	60.420	3.960
La Grai	59.800	60.900	60.400	60.700	60.300	60.420	3.960
KON TUM	**59.900**	**60.900**	**60.400**	**60.800**	**60.400**	**60.480**	**3.920**
Đắk Hà	59.900	60.900	60.400	60.800	60.400	60.480	3.920

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com

Bản tin được thực hiện bởi AGROINFO

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn